

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-3-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1966 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông Lê Văn Ng quen biết và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông Lê Văn Ng 03 người con chung tên Lê Văn Tr, sinh ngày 25/10/1996, Lê Văn T, sinh năm 1998 và Lê Văn T1, sinh ngày 08/7/2003 hiện nay đã trưởng thành, có việc làm ổn định; về tài sản chung, bà và ông Lê Văn Ng không có tài sản chung; về nợ bà cam kết, bà và ông Lê Văn Ng không có nợ người khác và người khác không có

nợ ông bà. Thời gian chung sống bà và ông Lê Văn Ng không lo cho gia đình, bà nhắc nhở thì ông Lê Văn Ng cự cãi với bà, sống không hạnh phúc, bà và ông Lê Văn Ng sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Bà thấy, bà và ông Lê Văn Ng không còn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu Tòa giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Ng. Về quan hệ con chung, các con chung của ông bà hiện nay đã trưởng thành, khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ, không có, bà không yêu cầu giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 02 năm 2022 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 3 năm 2022, bị đơn ông Lê Văn Ng trình bày như sau:*

Ông nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhưng vì ông bận lo đi làm ăn nên không thể sắp xếp đến tham gia các phiên họp theo thời gian mà Tòa án thông báo. Về nguyên nhân mâu thuẫn là bà Trương Thị Th có tình cảm với người đàn ông khác nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông. Về quan hệ hôn nhân ông không muốn ly hôn với bà Trương Thị Th. Về quan hệ con chung, ông xác định ông và bà Trương Thị Th có 03 người con chung tên Lê Văn Tr, sinh ngày 25/10/1996, Lê Văn T, sinh năm 1998 và Lê Văn T1, sinh ngày 08/7/2003 hiện nay đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên ông không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Ông yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Thị Th, Lê Văn Tr, Lê Văn T và Lê Văn T1, sổ hộ khẩu; Đơn xác nhận ngày 29/9/2021; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 29/9/2021, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 3 năm 2022 của ông Lê Văn Ng.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Trương Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Ng. Về quan hệ con chung, hiện nay các con chung của ông bà đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, bà Trương Thị Th tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Ng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng

minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Trương Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Ng, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng là vợ chồng; về quan hệ con chung, các con của ông bà đã thành niên, bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trương Thị Th yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn Ng. Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn Ng biết và ấn định thời gian để ông có ý kiến về việc bà Trương Thị Th khởi kiện ly hôn đối với ông nhưng ông không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lê Văn Ng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lê Văn Ng thì ông Lê Văn Ng gửi đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai bà Trương Thị Th không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt ông Lê Văn Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng chung sống với nhau vào năm 1995 đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Ng thì ông Lê Văn Ng không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Th nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng tự xác định, ông bà có 03 người con chung tên: Lê Văn Tr, sinh ngày 25/10/1996, Lê Văn T, sinh năm 1998 và Lê Văn T1, sinh ngày 08/7/2003 hiện nay đã trưởng thành, có việc làm ổn định, bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng tự xác định, ông bà chung sống không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ ông bà và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng tự xác định, ông bà có 03 người con chung tên: Lê Văn Trung, sinh ngày 25/10/1996, Lê Văn Tính, sinh năm 1998 và Lê Văn Thọ, sinh ngày 08/7/2003 hiện nay đã trưởng thành, có việc làm ổn định, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Bà Trương Thị Th và ông Lê Văn Ng tự xác định, ông bà không có tài sản chung, bà Thu cam kết bà và ông Lê Văn Ng không có nợ người khác, người khác không có nợ ông bà và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc bà Trương Thị Th phải bào án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004552 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Trương Thị Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/3/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo